

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 20/2019/DS-ST

Ngày: 06-5-2019

V/v: “Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản và tranh chấp tiền họ,
hụi, biếu, phườòng(gọi chung là họ)”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI,
TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trà Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Vạn Huynh

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nga.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Võ Đại Minh-Thư ký Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Thùy Dương-Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25, ngày 26 tháng 4 năm 2019 và ngày 02, ngày 03, ngày 04, ngày 06 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp tiền họ, hụi, biếu, phườòng(gọi chung là họ)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1964, địa chỉ: Xóm KB, thôn AK, xã TK, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Q, sinh năm 1972, địa chỉ: Xóm KĐ, thôn AK, xã TK, thành phố QN, tỉnh QN. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/10/2018, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 05/11/2018, các bản trình bày, bản tự khai ngày 24/4/2019, các biên bản hòa giải ngày 18/02/2019, ngày 08/3/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà và bà Phạm Thị Q có quen biết nhau nên bà Phạm Thị Q có vay tiền của bà nhiều lần, đến ngày 20/9/2013 bà Phạm Thị Q chốt lại có viết giấy vay nợ là 164.000.000 đồng, khi vay tiền bà Q nói để buôn bán hải sản, lúc này hai bên không có thỏa thuận lãi suất. Sau đó bà có nói với bà Q tính ra vàng để trả cho bà thì bà Q có tính cho bà là 40 chỉ vàng SJC, vàng tính giá 410.000 đồng/chỉ là 40 chỉ. Sau một thời gian bà Q không trả được cho bà nên nói bà Q ghi lại ra bằng tiền chứ không để vàng thì bà Q có ghi lại giấy cho bà bằng tiền vào ngày 20/9/2013 là bà Q nợ bà 164.000.000 đồng như cũ, lúc này hai bên không có thỏa thuận lãi suất và bà Q không trả tiền cho bà.

Sau đó bà Q có ra nhà bà nói bây giờ bà đáo hạn ngân hàng, cho bà Q mượn

100.000.000 đồng, bà trả cho ngân hàng và vay lại, vay thêm để trả cho bà số tiền 164.000.000 đồng luôn nên bà đồng ý và cho bà Q vay số tiền 100.000.000 đồng để bà Q trả cho ngân hàng, bà Q trả xong lấy sổ đỏ ra, nhưng em trai bà Q không cho mượn sổ đỏ nữa nên bà Q không có tiền trả cho bà, sau đó bà Q ra nhà bà nói em trai cho mượn sổ đỏ vay lại, bà Q nói “chị đưa em ghi 100.000.000 đồng này ra như tiền huê để em nộp mỗi tháng 10.000.000 đồng cho chị”, thì bà đưa sổ cho bà Q ghi vào ngày 14/9/2013 bà có hốt đầu huê là 100.000.000 đồng, chứ không phải bà chồng huê cho bà Q và đến ngày 14/10/2013 bà Q nộp cho bà 10.000.000 đồng nhưng ngày 27/11/2013 bà Q mới đưa, vậy trễ của bà 43 ngày và đến ngày 02/9/2014 bà Q trả cho bà 50.000.000 đồng, tiền này trừ bù bán cá chẻm. Vậy bà Q còn nợ bà 40.000.000 đồng, bà Q có hứa mỗi tháng trả cho bà 5.000.000 đồng nhưng không trả.

Sau một thời gian bà Q không trả được cho bà, bà Q ra nhà bà năn nỉ giúp cho bà Q vay vài chục triệu để làm ăn buôn bán nên bà đồng ý cho bà Q mượn tạo điều kiện cho bà Q buôn bán nên bà có cho bà Q mượn 03 lần là 97.000.000 đồng nhưng bà Q không trả được cho bà, bà có vào nhà đòi tiền nhưng bà Q không trả mà nói do họ mua hải sản không trả tiền. Bà Q nói bây giờ bà Q có hồ nuôi cá, bao giờ đền bù thì có tiền trả cho bà còn không bà Q cần cho bà ít đất hồ sau đền bù thì bà lấy, nhưng bà nói không lấy đất hồ mà trả lần nên bà Q ghi lại giấy cho bà ngày 15/7/2014 bà Q có nợ bà 97.000.000 đồng và bà cùng bà Q ghi lại và bà đã xé giấy tờ đã ghi trước đó hiện nay không còn, lúc này hai bên không có thỏa thuận lãi suất.

Tổng cộng bà Phạm Thị Q nợ tiền gốc của bà là 301.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu bà Phạm Thị Q phải trả nợ tiền cho bà số tiền nợ gốc là 301.000.000 đồng, và tiền nợ lãi tạm tính từ ngày 20/9/2013 đến ngày 20/4/2019 là 67 tháng, lãi suất 0,85%/tháng với số tiền lãi đối với số nợ gốc 164.000.000 đồng là 93.398.000 đồng, đối với số tiền nợ gốc 97.000.000 đồng, tiền nợ lãi tạm tính từ ngày 15/7/2014 đến ngày 15/4/2019 là 57 tháng, lãi suất 0,85%/tháng là 46.996.500 đồng, tổng cộng tiền lãi là 140.394.500 đồng, đối với số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng thì bà không yêu cầu bà Q trả tiền lãi. Tổng cộng bà yêu cầu bà Phạm Thị Q trả cả gốc là lãi 301.000.000 đồng + 140.394.500 đồng = 441.394.500 đồng.

Trong các bản tự khai, đơn trình bày ngày 18/02/2019, ngày 25/02/2019, ngày 09/4/2019, biên bản hòa giải các ngày 18/02/2019, ngày 08/3/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Phạm Thị Q trình bày:

Bà có mối quan hệ quen biết với bà H, bà làm ăn khó khăn nên có vay tiền của bà H, bà mượn tiền của bà H nhiều lần. Ngày 20/9/2013, ngày 15/7/2014 bà H chốt số tiền nợ, bà đồng ý viết giấy nợ và đưa cho bà H giữ, bà thừa nhận giấy nợ ngày 20/9/2013 với số tiền bà nợ bà H 164.000.000 đồng và giấy nợ ngày 15/7/2014 với số tiền bà nợ bà H 97.000.000 đồng là do bà viết và ký.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà trả cho bà H số tiền nợ gốc 301.000.000 đồng và tiền nợ lãi thì bà không đồng ý.

Bà thừa nhận có nợ và đồng ý trả nợ cho bà H số tiền nợ gốc 164.000.000 đồng và không đồng ý trả lãi vì bà H đã nói chốt sổ cả gốc và lãi rồi nên không lấy tiền lãi nữa, khi nào làm ăn có trả lần.

Bà không đồng ý trả nợ cho bà H số tiền nợ 97.000.000 đồng vì bà H đã chốt trước vô số tiền 164.000.000 đồng rồi trong đó có giấy 30.000.000 đồng và giấy 27.000.000 đồng (nhưng do chưa xé giấy này). Sau này bà hốt hụi 40.000.000 đồng đã nộp 8 lần là 40.000.000 đồng cho bà H là xong rồi không còn nợ hụi nữa nhưng khi bà qua tính để xóa sổ nợ thì bà H nói không được mà tiền nộp biếu 40.000.000 đồng tính vào tiền lãi của 164.000.000 đồng và không lấy lời nữa và bảo bà ghi

lại nợ tiền hụi 40.000.000 đồng và bà lấy 02 giấy cũ (một giấy nợ 30.000.000 đồng, 01 giấy nợ 27.000.000 đồng) bà H bảo bà viết lại giấy nợ 97.000.000 đồng thì bà đã viết, chứ thực tế không có mượn 97.000.000 đồng của bà H.

Ngoài ra bà còn chơi biêu với bà H, bà thừa nhận chữ viết: “Q hốt huê nợ 100.000.000 đồng” ghi ngày 14/9/2013 là do bà viết. Nay bà H yêu cầu bà trả 40.000.000 đồng, bà không đồng ý, bà đồng ý có nợ và đồng ý trả nợ cho bà H số tiền nợ biêu 20.000.000 đồng và không trả lãi. Vì sau này bà H cho bà vay 50.000.000 đồng (không nhớ ngày tháng cụ thể) đã trả được mấy tháng tiền lãi, sau 07 tháng không trả tiền lãi nữa thì bà H cộng lại 22.000.000 đồng tiền lãi (tại phiên tòa bà Q trình bày lại là 21.000.000 đồng tiền lãi) và bà H đưa cho bà thêm 8.000.000 đồng (tại phiên tòa bà Q trình bày lại là 9.000.000 đồng) là đủ chân biêu 80.000.000 đồng, tính cộng tiền lãi 20.000.000 đồng của chân biêu và bảo bà viết vào sổ hốt biêu 100.000.000 đồng nên bà đã viết nợ biêu 100.000.000 đồng. Sau đó bà trả 01 lần 10.000.000 đồng tại nhà bà H nhưng không có viết giấy nhận, cách 02 tháng sau trả tiếp 10.000.000 đồng tại trường Tịnh Kỳ cũng không viết giấy nhận, sau đó bà bán cá chẻm được 50.000.000 đồng trả cho bà H 01 lần (bà H có viết giấy nhận) nên bà tính cộng thêm tiền lãi 10.000.000 đồng của 50.000.000 đồng đã trả nên cộng lại là trả được 60.000.000 đồng, như vậy bà tính trả được cho bà H là 80.000.000 đồng. Do đó bà còn nợ lại bà H là 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị H thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn bà Phạm Thị Q chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H về việc yêu cầu bà Phạm Thị Q trả lại cho bà số tiền nợ gốc 301.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu tính lãi đối với số tiền 164.000.000 đồng kể từ ngày 20/9/2013 đến ngày 08/3/2019, lãi suất 0,85%/tháng là 96.100.000 đồng, số tiền 97.000.000 đồng từ ngày 15/7/2014 đến ngày 08/3/2019 lãi là 45.347.500 đồng của bà Trần Thị H. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị H yêu cầu bà Q phải tiếp tục trả lãi phát sinh của số tiền gốc 301.000.000 đồng kể từ ngày 21/12/2018 cho đến khi bà Q trả xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với khoản 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Trần Thị H và bà Phạm Thị Q có mối quan hệ quen biết với nhau, theo bà H thì bà Q hỏi mượn tiền bà nhiều lần, ngày 20/9/2013 chốt số tiền bà Q nợ là 164.000.000 đồng, ngày 15/7/2014 chốt số tiền bà Q nợ 97.000.000 đồng và bà Q hốt biêu nợ bà 40.000.000 đồng.

Xét giấy mượn tiền ngày 20/9/2013 (bút lục 34) có nội dung “em Q có vay của chị H số tiền là 164.000.000 đồng...” thì thấy, tại biên bản hòa giải ngày 08/3/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm bà Q thừa nhận có nợ và đồng ý trả cho bà H số tiền trên, do đó yêu cầu này của bà H là có căn cứ chấp nhận.

Xét giấy mượn tiền ngày 15/7/2014 (bút lục 33) có nội dung “em Q nợ chị H số tiền 97.000.000 đồng...” thì thấy, bà Q không thừa nhận có nợ bà H số tiền này,

bà Q khai rằng giấy mượn tiền này là bà ghi lại tiền hụi 40.000.000 đồng và 02 giấy cũ (01 giấy nợ 30.000.000 đồng, 01 giấy nợ 27.000.000 đồng) bà H bảo bà viết lại giấy nợ 97.000.000 đồng thì bà viết chữ thực tế bà không có mượn 97.000.000 đồng của bà H, nhưng bà Q không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh cho lời khai của mình là đúng, mặt khác bà H cũng không thừa nhận việc khai của bà Q. Hơn nữa bà Q thừa nhận chữ viết ký trong giấy mượn tiền nêu trên là do bà viết ký, do đó có căn cứ xác định bà H có cho bà Q mượn số tiền nêu trên và có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của bà H.

Đối với số tiền biếu 40.000.000 đồng, có từ chứng cứ do bà H cung cấp ghi ngày 14/9/2013 (bút lục 31), nội dung “Q hốt huê nợ 100.000.000 đồng... nạp tháng 10.000.000 đồng....14/10 nạp lần 1: 10.000.000 đồng...02/9/2014 Q gởi tiền huê 50 chục triệu”. Bà Q thừa nhận chữ viết “Q hốt huê nợ 100.000.000 đồng...” đây là chữ viết của bà. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H và bà Q đều trình bày thực chất đây là khoản tiền bà H cho bà Q mượn nhưng ghi thành một đầu huê, theo bà H ghi như vậy để tạo điều kiện cho bà Q trả nợ, do đó, có căn cứ để xác định thực chất đây là khoản tiền mà bà H cho bà Q mượn, bà Q khai đã trả được 80.000.000 đồng chỉ còn nợ lại 20.000.000 đồng, bà Q chỉ đồng ý trả 20.000.000 đồng, tuy nhiên bà Q không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà đã trả được 80.000.000 đồng, mặt khác bà H cũng không thừa nhận bà Q trả được 80.000.000 đồng. Xét thấy việc bà H cho bà Q mượn số tiền nêu trên và bà Q đã trả được 60.000.000 đồng là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ, do đó yêu cầu này của bà H là có căn cứ để chấp nhận.

Vì vậy, có căn cứ buộc bà Phạm Thị Q phải có trách nhiệm trả nợ gốc cho bà Phạm Thị H tổng cộng 301.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Đối với bà H yêu cầu tính lãi số tiền 164.000.000 đồng, tạm tính từ ngày 20/9/2013 đến ngày 20/4/2019, lãi suất 0,85%/tháng, 67 tháng là 93.398.000 đồng, số tiền 97.000.000 đồng tạm tính từ ngày 15/7/2014 đến ngày 15/4/2019 là 57 tháng, lãi suất 0,85%/tháng là 46.996.500 đồng, tổng cộng bà H yêu cầu bà Q trả tiền lãi là 93.398.000 đồng + 46.996.500 đồng = 140.394.500 đồng, thì thấy rằng: Tại các giấy mượn tiền trên các bên đều không ghi kỳ hạn cho vay cũng như thỏa thuận về lãi suất, hơn nữa bị đơn bà Q không thừa nhận việc bà H tính lãi đối với hai khoản tiền nêu trên, do đó yêu cầu tính lãi của bà H đối với 02 tiền nêu trên thì chỉ được chấp nhận tính từ ngày 22/12/2018 (sau ngày bà H thông báo bà Q trả nợ đến hết ngày 21/12/2018 nhưng bà Q không trả) đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 06/5/2019 là 164.000.000 đồng + 97.000.000 đồng = (261.000.000 đồng x 0,75%/tháng (9%/năm)) : 30 ngày x 136 ngày = 8.874.000 đồng. Còn lại không chấp nhận tiền lãi của bà H là 140.394.500 đồng - 8.874.000 đồng = 131.520.500 đồng.

Tổng cộng bà Phạm Thị Q phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Trần Thị H tiền nợ gốc và tiền nợ lãi là 301.000.000 đồng + 8.874.000 đồng = 309.874.000 đồng là phù hợp khoản 1 Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định” và phù hợp với khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 “Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Q phải chịu 309.874.000 đồng x 5% = 15.493.700 đồng. Bà Trần Thị H phải chịu 131.520.500 đồng x 5% = 6.576.025 đồng nhưng bà H đã nộp tạm ứng 10.560.770 đồng nên được khấu trừ còn phải hoàn trả lại cho bà H là 3.984.745 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[4] Với những nhận định trên phù hợp với quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 305, khoản 1 Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 476, khoản 1 Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H.

Công nhận hợp đồng vay tài sản ghi ngày 10/4/2015, ngày 15/7/2014. Và giấy ghi Q hốt huê ngày 14/9/2013.

Về tiền gốc:

- Buộc bà Phạm Thị Q phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Trần Thị H nợ gốc 301.000.000 đồng (ba trăm lẻ một triệu đồng).

Về tiền lãi:

- Buộc bà Phạm Thị Q phải có trách nhiệm trả tiền lãi cho bà Trần Thị H 8.874.000 đồng (tám triệu, tám trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Tổng cộng buộc bà Phạm Thị Q phải trả nợ gốc và trả tiền lãi cho bà Trần Thị H là 309.874.000 đồng (ba trăm lẻ chín triệu, tám trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Q phải chịu 15.493.700 đồng (mười lăm triệu, bốn trăm chín mươi ba ngàn, bảy trăm đồng).

Bà Trần Thị H phải chịu 6.576.025 đồng (sáu triệu, năm trăm bảy mươi sáu ngàn, không trăm hai mươi lăm đồng) nhưng bà H đã nộp tạm ứng 10.560.770 đồng nên được khấu trừ còn phải hoàn trả lại cho bà Trần Thị H là 3.984.745 đồng (ba triệu, chín trăm tám mươi bốn ngàn, bảy trăm bốn mươi lăm đồng) theo theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000307 ngày 02/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị H, bị đơn bà Phạm Thị Q có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành

án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Trà Thanh Tùng